

HIỆN TRẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THÂN GỖ THUỘC MẢNG XANH ĐÔ THỊ Ở THÀNH PHỐ TRÀ VINH

DẶNG MINH QUÂN, TRƯƠNG VŨ PHONG
Trường Đại học Cần Thơ

Cây xanh đô thị đóng vai trò rất to lớn trong đời sống của người dân và sự phát triển của một thành phố. Đặc biệt là các loài cây thân gỗ có vai trò rất quan trọng trong việc tạo bóng mát, điều hòa khí hậu, làm giảm tiếng ồn, giảm khói bụi và tạo vẻ mỹ quan đô thị.

Thành phố Trà Vinh (TPTV) có rất nhiều cây cổ thụ trên một trăm năm tuổi, đây là nguồn tài nguyên quý giá cần được bảo tồn. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển chung của cả nước, tốc độ đô thị hóa ở TPTV diễn ra rất nhanh, nhiều khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, khu dân cư, đường xá được xây dựng làm cho diện tích đất trồng cây xanh ngày càng bị thu hẹp, dẫn đến nguy cơ ô nhiễm về môi trường sống. Do đó, việc điều tra, đánh giá hiện trạng nguồn tài nguyên cây thân gỗ thuộc mảng xanh đô thị ở TPTV là rất cần thiết và cấp bách, làm cơ sở cho việc quy hoạch, bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên cây gỗ thuộc mảng xanh đô thị ở thành phố này.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Thu thập các thông tin, tài liệu về quy hoạch đô thị và quy hoạch mảng xanh đô thị từ Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty Công trình đô thị ở TPTV. Nghiên cứu bản đồ hành chính để xác định các tuyến đường, các công viên, các công trình công cộng, các khu hành chính, các khu dân dụng... trên địa bàn TPTV.

- Điều tra thực tế các loài cây thân gỗ được trồng trên các đường phố, các công viên, công trình công cộng, các khu hành chính, các khu dân dụng... trên địa bàn TPTV:

+ Thu mẫu, định tên khoa học: Phương pháp thu mẫu và phân tích mẫu dựa theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2007). Định loại theo phương pháp hình thái so sánh của Phạm Hoàng Hộ (1999-2000). Chính lý tên khoa học theo “Danh lục các loài thực vật Việt Nam” tập I, II và III (2001, 2003, 2005). Sắp xếp họ, chi, loài theo Brummitt (1992).

+ Đếm số lượng, đo chiều cao, đo diện tích tán cây và ghi nhận tình trạng các cây thân gỗ (tình hình sinh trưởng của cây, tình trạng sâu bệnh, đổ ngã, cụt ngọn hay không...).

- Phân loại cây xanh sử dụng trong đô thị theo Quyết định số 01/2006/QĐ-BXD ban hành TCXDVN 362: 2005 về “Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị-Tiêu chuẩn thiết kế” và Nghị định số 64/2010/NĐ-CP về “Quản lý cây xanh đô thị” bao gồm: (1) Cây xanh sử dụng công cộng (cây xanh đường phố, công viên, vườn hoa và các công trình công cộng khác) (2) cây xanh sử dụng hạn chế (cây xanh trường học, bệnh viện, khuôn viên trụ sở, nhà ở, công trình tín ngưỡng...) và (3) cây xanh chuyên dụng (cây xanh trong vườn ươm hoặc phục vụ nghiên cứu).

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đa dạng các taxon và sự phân bố các taxon ở các nơi điều tra tại TPTV

Qua thực tế điều tra hiện trạng nguồn tài nguyên cây thân gỗ thuộc mảng xanh đô thị ở TPTV, chúng tôi đã thu thập mẫu và phân loại được 88 loài thuộc 72 chi của 34 họ trong 2 ngành thực vật bậc cao có mạch (bảng 1).

Bảng 1

Sự phân bố của các taxon trong từng ngành của hệ cây gỗ ở TPTV

Ngành	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Ngành Thông (Pinophyta)	3	9,38	4	5,56	4	4,55
Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)	29	90,62	68	94,44	84	95,45
Tổng	32	100	72	100	88	100

Từ kết quả bảng 1 cho thấy, sự phân bố của các taxon trong hai ngành là không đồng đều, hầu hết các taxon tập trung trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với 29 họ (chiếm 90,62% số họ), 68 chi (chiếm 94,44% số chi) và 84 loài (chiếm 95,45% số loài của hệ). Trong khi đó ngành Thông (Pinophyta) chỉ có 3 họ (chiếm 9,38% số họ), 4 chi (chiếm 5,56% số chi) và 4 loài (chiếm 4,55% số loài của hệ). Điều này cho thấy ngành Ngọc lan đóng vai trò chủ đạo trong hệ cây gỗ thuộc mảng xanh đô thị ở TPTV.

Qua thực tế điều tra, chúng tôi đã thống kê được 8 họ có số lượng loài nhiều nhất (từ 3-17 loài) gồm: Fabaceae (17 loài), Moraceae (10 loài), Myrtaceae (6 loài), Apocynaceae (5 loài), Combretaceae (4 loài), các họ Dipterocarpaceae, Euphorbiaceae và Sapotaceae đều có 3 loài, các họ còn lại chỉ có 1-2 loài. Sự đa dạng loài trong các chi rất thấp, mỗi chi chỉ có 1-2 loài, chi giàu loài nhất là *Ficus* có 7 loài, 3 chi có 3 loài là *Cassia*, *Syzygium* và *Terminalia*.

Sự phân bố của các taxon ở các nơi điều tra được thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2

Sự phân bố của các taxon ở các nơi điều tra ở TPTV

TT	Nơi khảo sát	Loài		Chi		Họ	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Đường phố	65	73,86	55	76,39	29	85,29
2	Công viên, đền thờ Bác Hồ, đài tưởng niệm, công trình công cộng...	55	62,50	45	62,50	26	76,47
3	Các trường học, khuôn viên trụ sở, bệnh viện, khu dân cư, chùa	41	46,59	35	48,61	19	55,88

Từ kết quả bảng 2 cho thấy, sự phân bố của các taxon trên các đường phố là cao nhất với 65 loài thuộc 55 chi của 29 họ, kế đến là ở các công viên và các công trình công cộng với 55 loài thuộc 45 chi của 26 họ, cuối cùng là ở các trường học, công sở, bệnh viện, khu dân cư, các chùa với 41 loài thuộc 35 chi của 19 họ.

2. Số lượng, chiều cao, tình trạng và diện tích tán che cây gỗ ở TPTV

Qua thực tế điều tra hiện trạng nguồn tài nguyên cây thân gỗ thuộc mảng xanh đô thị ở TPTV, chúng tôi đã thống kê được 55.456 cây thân gỗ, trong đó có 20.991 cây cao dưới 6m (loại I), 15.582 cây cao từ 6-12m (loại II) và 18.883 cây cao trên 12m (loại III). Hầu hết các cây đều sinh trưởng và phát triển tốt, chỉ có 195 cây (chiếm 0,35% tổng số cây) bị sâu bệnh hoặc cụt ngọn hay bị đổ ngã. Tổng diện tích tán che phủ xanh của các cây thân gỗ là 1.280.832,07m²,

trên cơ sở dân số của TPTV là 131.360 người (thống kê ngày 06/3/2010) thì bình quân tỷ lệ diện tích tán che phủ xanh của cây thân gỗ trên đầu người là 9,75 m²/người, đạt tiêu chuẩn về diện tích phủ xanh công cộng theo quy định của Bộ Xây dựng (2006) đối với đô thị loại 3 như TPTV là 9-11 m²/người. Chi tiết về số lượng, chiều cao, tình trạng và diện tích tán che cây thân gỗ ở TPTV được trình bày trong bảng 3.

Bảng 3

Số lượng, chiều cao, tình trạng và diện tích tán che cây thân gỗ thuộc mảng xanh đô thị ở TPTV

Nơi điều tra/ khảo sát	Số lượng	Chiều cao cây			Bị sâu bệnh, cắt ngọn, đổ ngã	Diện tích tán che (m ²)
		Loại I (< 6m)	Loại II (6-12m)	Loại III (> 12m)		
Đường phố	12.673	8.884	2.458	1.331	166	435.727,47
Công viên, đền thờ Bác Hồ, đài tưởng niệm, tiểu đảo, mũi tàu, vòng xoay	3.548	1.439	513	1.596	6	60.404,57
Các trường học, khuôn viên trụ sở, bệnh viện, khu dân cư, chùa	39.235	10.668	12.611	15.956	23	784.700,03
Tổng	55.456	20.991	15.582	18.883	195	1.280.832,07

Từ kết quả bảng 3 cho thấy: Số lượng cây thân gỗ thuộc nhóm cây xanh sử dụng hạn chế (cây xanh trường học, khuôn viên trụ sở, bệnh viện, khu dân cư, chùa) chiếm ưu thế gồm 39.235 cây (chiếm 70,75% tổng số cây), trong đó nhóm cây loại III chiếm ưu thế với 15.956 cây (chiếm 28,77% tổng số cây). Qua thực tế khảo sát chúng tôi nhận thấy, số lượng cây thân gỗ thống kê được ở các chùa là nhiều nhất với 36.236 cây chiếm tới 65,34% tổng số cây khảo sát được. Điều này được lý giải là do ở TPTV có rất nhiều chùa của người dân tộc Khơ-me có từ lâu đời, nên cây xanh ở đây chủ yếu là cây loại II, loại III và được trồng với mật độ rất cao. Còn các trường học, trụ sở, bệnh viện, khu dân cư thì hầu hết là mới được xây dựng trong thời gian gần đây và thường có sự thay đổi chỗ, di dời do quy hoạch nên số số lượng cây xanh ít, chủ yếu là các cây loại I. Số cây bị sâu bệnh, cắt ngọn hoặc đổ ngã rất ít, chỉ có 23 cây, do cây trồng ở những nơi này thường được chăm sóc và bảo vệ rất tốt. Mặc dù số lượng cây loại II, loại III rất nhiều, nhưng mật độ cây trồng rất cao (nhất là ở các chùa) nên diện tích tán che trung bình của mỗi cây chỉ khoảng 20 m²/cây, thấp hơn so với diện tích tán che trung bình của mỗi cây đường phố (34,39 m²/cây).

Số lượng cây thân gỗ thuộc nhóm cây xanh sử dụng công cộng (cây xanh đường phố, công viên, đền thờ Bác Hồ, đài tưởng niệm và các công trình công cộng khác) thống kê được ít hơn gồm 16.221 cây (chiếm 29,25% tổng số cây). Bao gồm:

- Cây thân gỗ được trồng trên các đường phố gồm 12.673 cây (chiếm 22,85% tổng số cây). Trong đó, cây loại I chiếm ưu thế với 8.884 cây (chiếm 16,02% tổng số cây) so với cây loại II là 2.458 cây (chiếm 4,43% tổng số cây) và cây loại I là 1.331 cây (chiếm 2,40% tổng số cây), điều này được giải thích là do có rất nhiều cây thân gỗ mới được trồng trong đề án xây dựng thị xã Trà Vinh thành đô thị loại III vào năm 2007 và đề án thành lập TPTV vào năm 2010. Số cây bị sâu bệnh, cắt ngọn hoặc bị đổ ngã có số lượng cao hơn các nơi khảo sát khác với 166 cây. Diện tích tán che trung bình của mỗi cây khá cao tới 34,39 m²/cây, do cây trồng trên đường phố

thường có khoảng cách giữa các cây từ 6-10m tùy loài, không gian sinh trưởng rộng nên cây có tán rộng hơn so với cây cùng loài ở những nơi khảo sát khác.

- Các công viên, đền thờ Bác Hồ, đài tưởng niệm và các công trình công cộng khác có tổng diện tích đất là 157.444 m² và số lượng cây thân gỗ khảo sát được là 3.548 cây (chiếm 6,4% tổng số cây). Số lượng cây gỗ nhiều nhất là ở khu Ao Bà Om với 1.437 cây, trong đó có tới 1.400 cây Dầu rái (*Dipterocarpus alatus* Roxb. ex G. Don) loại III, vì đây là khu di tích lịch sử văn hóa có lâu đời nên có rất nhiều cây cổ thụ trên một trăm tuổi. Tiếp theo là đền thờ Bác Hồ với 422 cây, trong đó chủ yếu là cây thân gỗ loại II với 306 cây. Các công viên và công trình công cộng khác có số lượng cây ít hơn nhiều. Số cây bị sâu bệnh, cụt ngọn hoặc bị đổ ngã rất ít chỉ có 6 cây. Diện tích tán che trung bình của mỗi cây thấp chỉ đạt 17,02 m²/cây do các cây thường xuyên được cắt tỉa để tạo dáng trong các công viên, các khu di tích.

Kết quả khảo sát đã thống kê được 6 loài có số lượng cá thể rất cao, trên 1.000 cây (bảng 4). Trong đó, Dầu rái (*Dipterocarpus alatus* Roxb. ex G. Don) chiếm ưu thế tuyệt đối với 39.752 cây (chiếm 71,68% tổng số cây), kế đến là Sao đen (*Hopea odorata* Roxb.) với 4.199 cây (chiếm 7,57% tổng số cây).

Bảng 4

Số lượng và tỷ lệ % các loài cây thân gỗ ưu thế ở TPTV

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Họ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	<i>Dipterocarpus alatus</i> Roxb. ex G. Don	Dầu rái	Dipterocarpaceae	39.752	71,68
2	<i>Hopea odorata</i> Roxb.	Sao đen	Dipterocarpaceae	4.199	7,57
3	<i>Spathodea campanulata</i> P. Beauv.	Hồng kỳ	Bignoniaceae	2.015	3,64
4	<i>Lagerstroemia speciosa</i> (L.) Pers.	Bàng lạng nước	Lythraceae	1.599	2,88
5	<i>Casuarina equisetifolia</i> Forst. & Forst. F.	Dương (Phi lao)	Casuarinaceae	1.593	2,87
6	<i>Mimusops elengi</i> L.	Sén cát	Sapotaceae	1.263	2,28
Tổng cộng				50.421	90,92

Từ kết quả bảng 4 cho thấy, chỉ có 6 loài cây thân gỗ ưu thế ở TPTV chiếm 6,82% tổng số loài, nhưng có tới 50.421 cây chiếm tới 90,92% tổng số cây khảo sát được. Điều này cho thấy vai trò chủ đạo của 6 loài cây này đối với hệ thống mảng xanh đô thị của TPTV.

III. KẾT LUẬN

Hiện trạng nguồn tài nguyên cây thân gỗ thuộc mảng xanh đô thị ở TPTV có 55.456 cây thuộc 88 loài, 72 chi của 34 họ trong 2 ngành thực vật. Số lượng cây cao trên 12m (loại III) còn khá nhiều với 18.883 cây, chiếm 34,05% tổng số cây được khảo sát, trong đó có rất nhiều cây cổ thụ thuộc họ Dầu (Dipterocarpaceae) trên 100 tuổi, đây là nguồn tài nguyên quý giá cần được ưu tiên bảo tồn. Hầu hết các cây đều sinh trưởng tốt, chỉ có 195 cây (chiếm 0,35% tổng số cây) bị sâu bệnh, cụt ngọn, đổ ngã. Tổng diện tích tán che phủ xanh của cây thân gỗ là 1.280.832,07 m², bình quân diện tích tán che phủ xanh trên đầu người là 9,75 m²/người, đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng (2006). Có 6 loài có số lượng cá thể trên 1.000 cây, cá biệt có loài *Dipterocarpus alatus* Roxb. có số lượng cá thể cao nhất với 39.752 cây chiếm tỷ lệ 71,6% tổng số cây.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Tiên Bản** (chủ biên), 2003, 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập II, III.
2. **Bộ Xây dựng**, 2006. Quyết định số 01/2006/QĐ-BXD ban hành TCXDVN 362: 2005 về “Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị-Tiêu chuẩn thiết kế”.
3. **Brummitt, R. K.**, 1992. Families and genera of vascular plants. Royal Botanic gardens, Kew.
4. **Chính phủ Việt Nam**, 2010. Nghị định số 64/2010/NĐ-CP về “Quản lý cây xanh đô thị”.
5. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999, 2000. Cây cỏ Việt Nam. NXB. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, quyển I, II.
6. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. NXB. ĐHQG, Hà Nội.
7. **Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi Trường Đại học Quốc gia Hà Nội**, 2001. Danh lục các loài thực vật Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập I.

THE CURRENT WOODY PLANT RESOURCE OF GREENERY LANDSCAPE ACROSS URBAN AREAS IN TRA VINH CITY

DANG MINH QUAN, TRUONG VU PHONG

SUMMARY

From this practical investigation, it can be seen that current woody plant resource of greenery landscape across urban areas in Tra Vinh city has 55,456 trees which are belonging to 88 species, 72 genera of 34 plant families. Of those 20,991 trees are under 6m in height (type 1); 15,582 trees are in the height of 6-12m (type 2) and 18,883 trees are above 12m (type 3). Majority of these trees are growing good, except for 195 trees (accounting for 0.35% of total) which are in disease, crown chopped and fallen down. The total area of tree shade is 1,280,832.07 m², and the average of tree shade area per person is 9.75m²/person which is within the standard of The Ministry of Construction (2006). There are 6 species having the total number of trees above 1,000; in particular, the *Dipterocarpus alatus* Roxb. ex G. Don having the largest number of trees with 39,752, accounting for 71.68% of total.